

Số: /BC-UBND

Trà Cú, ngày tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới huyện Trà Cú

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ Thông báo số 394/TB-STNMT ngày 26/7/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc kiểm tra kết quả thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Trà Cú;

Ủy ban nhân dân huyện báo cáo như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

Ủy ban nhân huyện ban hành Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 02/3/2023 về việc Xây dựng huyện Trà Cú đạt chuẩn Nông thôn mới năm 2023; Quyết định số 644/QĐ-UBND ngày 07/3/2023 về phân công nhiệm vụ các phòng, ban, ngành huyện phụ trách hướng dẫn, hỗ trợ địa phương thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc các Bộ tiêu chí: xã Nông thôn mới, xã Nông thôn mới nâng cao, xã Nông thôn mới kiểu mẫu và huyện Nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường xây dựng Kế hoạch số 02/KH-TNMT ngày 13/3/2023 về tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, huyện nông thôn mới năm 2023.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI

1. Kết quả thực hiện Tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm đối với xã nông thôn mới (Đính kèm phụ lục 1).

- Tiêu chí 17.1 có 15/15 xã đạt.
- Tiêu chí 17.2 có 15/15 xã đạt.
- Tiêu chí 17.3 có 15/15 xã đạt.
- Tiêu chí 17.4 có 15/15 xã đạt.
- Tiêu chí 17.5 có 15/15 xã đạt.
- Tiêu chí 17.6 có 15/15 xã đạt.
- Tiêu Chí 17.7 có 15/15 xã đạt.
- Tiêu chí 17.8 có 15/15 xã đạt.
- Tiêu chí 17.9 có 15/15 xã đạt.
- Tiêu chí 17.10 có 15/15 xã đạt.

- Tiêu chí 17.11 có 15/15 xã đạt.
- Tiêu chí 17.12 có 15/15 xã đạt.

2. Kết quả thực hiện Tiêu chí số 17 về môi trường và tiêu chí số 18 về chất lượng môi trường sống đối với xã nông thôn mới nâng cao

Có 2 xã đạt NTM nâng cao giai đoạn 2015 - 2020: Ngọc Biên và Đại An và 1 xã đang xây dựng nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 (xã Tập Sơn) (*đính kèm Phụ Lục II*).

*** Kết quả thực hiện tiêu chí 17: Môi trường**

- Xã Ngọc Biên: Đạt 12/12 chỉ tiêu.
- Xã Đại An: Đạt 12/12 chỉ tiêu.
- Xã Tập Sơn: Đạt 12/12 chỉ tiêu.

*** Kết quả thực hiện tiêu chí 18: Chất lượng môi trường sống**

- Xã Ngọc Biên: Đạt 8/8 chỉ tiêu.
- Xã Đại An: Đạt 8/8 chỉ tiêu.
- Xã Tập Sơn: Đạt 8/8 chỉ tiêu.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIÊU CHÍ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI

1. Tiêu chí số 7 về Môi trường

1.1. Chỉ tiêu số 7.1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp $\leq 50\%$ tổng lượng phát sinh

- a) Yêu cầu của tiêu chí: Đạt.
- b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- *Tình hình ban hành và thực hiện đề án thu gom, quản lý chất thải rắn:*

Huyện Trà Cú thực hiện thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đúng theo Quyết định số 2114/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện về phê duyệt Đề án thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Trà Cú giai đoạn 2021-2023.

- *Về công tác thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý đối với chất thải rắn sinh hoạt:*

Với quy mô dân số 147.419 nhân khẩu, tổng lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn huyện khoảng 70,61 tấn/ngày¹ có 03 xe chuyên dụng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt hàng ngày về bãi rác của huyện với khối lượng 26,2 tấn/ngày. Đơn vị thu gom: HTX xây dựng – Môi trường Trà Vinh theo Hợp đồng số 16/HĐ-PTNMT về việc thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Trà Cú giai đoạn 2021- 2023.

- *Tình hình xử lý chất thải rắn sinh hoạt:*

Công ty TNHH Kim Hoàng Phát (lò đốt chất thải sinh hoạt), Công ty TNHH MTV Môi trường Trà Vinh (rác thải nguy hại). Lượng rác thải sinh hoạt tiếp nhận: 24 - 26 tấn/ngày. Lượng rác xử lý hàng ngày: quy mô 25 tấn/ngày rác thải sinh hoạt và 15 tấn/ngày rác thải công nghiệp. Tuy nhiên Công ty Kim Hoàng đang tạm ngưng hoạt động. UBND huyện giao Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp huyện Cầu Ngang (hình thức xử lý đốt), huyện Tiểu Cần (hình thức xử lý chôn lấp theo quy định) và bãi rác Long Hiệp (hình thức xử lý đổ lộ thiên) xử lý rác tạm thời rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Trà Cú. Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được xe thu gom: 26,2 tấn/ngày.

Đối với các hộ gia đình tại vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa chưa có xe thu gom rác đến được thì thực hiện xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo hướng dẫn của chính quyền địa phương bằng cách ủ phân hữu cơ, tham gia các mô hình với khoảng **14.709** hộ (tương đương khoảng **34.137** người) ước tính khối lượng xử lý khoảng **16.61** tấn/ngày còn lại đào hố chôn lấp hợp vệ sinh trong khuôn viên đất tại hộ gia đình **21,5** tấn/ngày. Do đó, tổng lượng rác thải sinh hoạt của huyện được thu gom, xử lý khoảng **64,31** tấn/ngày, đạt **91,08** % tổng lượng rác thải sinh hoạt phát sinh.

Để tăng cường công tác thu gom vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn, huyện tiếp tục thực hiện mô hình phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại gia đình, tăng cường tuyên truyền vận động hướng dẫn người dân thực hiện phân loại rác tại nguồn người dân thực hiện. Đồng thời, triển khai lắp đặt thiết bị để giám sát, kiểm soát quá trình thu gom vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện.

- Tình hình thu gom, xử lý chất thải rắn nông nghiệp trên địa bàn huyện:

Chất thải rắn nông nghiệp chủ yếu là phụ phẩm nông nghiệp có tính tái sử dụng cao thường được Nhân dân tận dụng cho mục đích chăn nuôi và trồng trọt. Các hộ dân, chủ cơ sở tự thu gom, xử lý chất thải rắn nông nghiệp như: rơm dùng máy cuộn thành cục làm thức ăn cho gia súc, trồng hoa màu các loại, thân cây Đậu phộng và một số loại cây hoa màu khác được tận dụng làm thức ăn cho gia súc, gia cầm hoặc dùng máy cày, xới pha trộn vào đất tạo thành phân hữu cơ tạo độ phì nhiêu cho đất. Riêng về chất thải rắn từ vỏ bao thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, thủy sản thì được thu gom vào các bể chứa ở các khu vực sản xuất tập trung và thu gom xử lý theo quy định tăng suất năm/01 lần. Năm 2023 UBND huyện giao Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp đơn vị chức năng thực hiện thu gom và xử lý theo quy định (ước khoảng 4 tấn).

- Tình hình thu gom, xử lý chất thải rắn xây dựng trên địa bàn huyện:

Các công trình xây dựng trên địa bàn phát sinh lượng chất thải rắn khoảng 648 tấn/năm, chủ yếu là phát sinh từ công tác xây dựng, cải tạo nhà ở hộ gia đình, công trình xây dựng phục vụ công cộng; hiện các hộ gia đình tự phân loại để bán phế liệu; đối với đất, đá, chất thải rắn từ hoạt động xây dựng phát sinh khoảng 648 tấn/năm được tái sử dụng để san lấp mặt bằng, còn lại chất thải cần được xử lý thuê đơn vị chức năng thu gom xử lý theo quy định.

Đảm bảo thực hiện theo Phương án đã được phê duyệt theo Quyết định số 4291/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND huyện về phê duyệt phương án “thu gom, phân loại chất thải rắn tại nguồn; bao gói thuốc bảo vệ thực vật; Y tế; chất thải nhựa trên địa bàn huyện Trà Cú”.

- Tình hình thu gom, xử lý chất thải nguy hại (bao bì thuốc bảo vệ thực vật) trên địa bàn:

Bao gói thuốc bảo vệ thực vật do có chứa thành phần nguy hại và tồn lưu lâu ngoài môi trường nên có tuyên truyền đến nông dân và tổ chức thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng. Toàn huyện đã bố trí 441 bể chứa bao gói thuốc bảo vệ thực vật đúng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 05/2006/TTLT-BNNPTNT-BTNMT. Năm 2022, Phòng Tài nguyên và Môi trường ký hợp đồng với Công ty TNHH một thành viên môi trường đô thị TPHCM, Hợp đồng Kinh tế số 3500/HĐ-MTĐT-NH/22.4.VX về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại ở các xã Đại An, Hàm Tân, Tập Sơn, Tân Sơn, Thanh Sơn, Long Hiệp. Đồng thời, tiếp tục tuyên truyền và nhân rộng mô hình bể thu gom để hạn chế tình trạng nông dân thải bỏ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trực tiếp ngoài đồng. Năm 2023 giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND huyện thực hiện thu gom phân loại, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và miếng kính, hiện nay đang trình phê duyệt dự toán thu gom, xử lý.

- Tình hình thu gom, xử lý chất thải y tế trên địa bàn:

Tỷ lệ xử lý đạt 100% đối với chất thải y tế. Theo số liệu thống kê năm 2023, trên địa bàn huyện có 01 Trung tâm Y tế, 16 Trạm y tế và một Phòng Khám Đa khoa Tân Đức và Y tế tư nhân khám ngoài giờ.

+ Lượng chất thải y tế thông thường phát sinh từ các hoạt động khám chữa bệnh trên địa bàn huyện khoảng 1,3 tấn/năm, chủ yếu là vỏ, bao bì, chai lọ đựng thuốc, vật tư y tế thải, bóng đèn huỳnh quang, hộp mực in... là chất thải nguy hại không lây nhiễm được Trung tâm Y tế, trạm Y tế và các cơ sở ký hợp đồng đơn vị chức năng tại thành phố Trà Vinh để xử lý theo quy định, đối với rác thải y tế lây nhiễm phát sinh tại Trung tâm y tế huyện, các Trạm y tế và các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn huyện phát sinh 1,714 tấn/năm được thực hiện quản lý theo quy định và ký hợp đồng với cụm xử lý tại Bệnh viện đa khoa huyện Tiểu Cần, tần suất 02 ngày/lần; Đối với rác thải y tế thông thường (rác thải sinh hoạt) phát sinh hàng ngày được Trung tâm Y tế, các trạm Y tế, các cơ sở ký hợp đồng với Hợp tác xã Xây dựng - Môi trường Trà Vinh thu gom, xử lý.

- Tình hình tại các bãi chôn lấp chất thải và khu xử lý chất thải rắn của huyện:

- Tình hình tại Bãi chôn lấp rác của huyện: Bãi rác Long Hiệp: 2.856m², bãi rác khóm 1, thị trấn Trà Cú: 1.119,04m² đã sử dụng 100% sức chứa. Lượng rác tiếp nhận hàng ngày: không tiếp nhận thực hiện xử lý, đúng theo Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 23/7/2021. Tuy nhiên do tình hình Công ty TNHH Kim Hoàng Phát có sự cố tạm ngưng hoạt động, nên huyện có báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường và được sự thống nhất cho tạm dừng đóng cửa, chuyển

sang năm 2024 thực hiện đóng cửa 02 bãi rác nói trên. UBND huyện Trà Cú ban hành Tờ trình số 78/TTr-UBND ngày 16/6/2023 về việc cấp kinh phí thực hiện mở rộng bãi rác Long Hiệp (giai đoạn 1) với tổng kinh phí 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng).

- *Tình hình Lò đốt chất thải rắn sinh hoạt*: Lò đốt chất thải sinh hoạt của Công ty TNHH Kim Hoàng Phát lượng rác thải sinh hoạt tiếp nhận: 24 - 26 tấn/ngày. Lượng rác xử lý hàng ngày: quy mô 25 tấn/ngày rác thải sinh hoạt và 15 tấn/ngày rác thải công nghiệp, do sự cố Công ty Kim Hoàng Phát đang tạm ngưng hoạt động. UBND huyện giao phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp huyện Cầu Ngang, huyện Tiểu Cần hỗ trợ và trung dung bãi rác Long Hiệp để tiếp nhận rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Trà Cú.

- *Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp*:

Hạn chế xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp bằng cách tăng cường thực hiện: tận dụng tối đa lượng chất thải để tái sử dụng, tái chế (làm phân hữu cơ...); tự xử lý tại hộ gia đình thành phân hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi và chôn lấp tại hộ gia đình. Hiện nay, khối lượng rác thải được xử lý bằng lò đốt là **26,2** tấn/ngày, ủ phân hữu cơ và mô hình phân loại là **16,61** tấn/ngày; khối lượng rác thải chôn lấp trực tiếp **27,8** tấn/ngày, so với số lượng phát sinh trên địa bàn huyện khoảng **70,61** tấn/ngày, do đó tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp đạt tỷ lệ **39,37 %** tổng lượng phát sinh.

Nhìn chung, qua các phòng trào thi đua xây dựng nông thôn mới, công tác tuyên truyền được tập trung nên việc thu gom và xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đã có nhiều chuyển biến tích cực, cảnh quan môi trường đã được cải thiện, đường, ngõ xanh – sạch – đẹp và ý thức người dân cũng được nâng lên, đáp ứng yêu cầu ngày càng tốt hơn tiêu chí nông thôn mới đề ra.

c) Tự đánh giá : **Đạt**

1.2. Chỉ tiêu 7.2. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn (≥40%)

a) Yêu cầu của tiêu chí: Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn: ≥ 40%.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Trên địa bàn huyện có 110 tổ thực hiện phân loại rác thải tại nguồn. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại CTR tại nguồn (%) = $21.316/43.369$ chiếm 49,15 %.

c) Tự đánh giá: Đạt.

1.3 Chỉ tiêu 7.3. Mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên (≥01 mô hình).

a) Yêu cầu của tiêu chí: Có mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên: ≥ 01 mô hình.

b) Kết quả thực hiện:

Hiện nay, trên địa bàn huyện có Công ty cổ phần phân bón Hudavil Trà Vinh (đặt tại địa bàn xã Lưu Nghiệp Anh) tái chế chất thải hữu cơ từ nguồn nguyên liệu chính là bã bùn mía, tro lò của Công ty Cổ phần mía đường Trà Vinh (đặt tại địa bàn xã Lưu Nghiệp Anh) để tái chế thành phân bón Hữu cơ vi sinh Hudavil công suất 6.000 tấn/năm và phân Hữu cơ khoáng Đa vi lượng Huadavil + TE công suất 1.000 tấn/năm. Công ty có xây dựng phương án, quy trình sản xuất kinh doanh theo hồ sơ, phương án bảo vệ môi trường phù hợp với quy mô của Công ty, có địa chỉ mặt bằng hoạt động, nhà xưởng, máy móc, trang thiết bị và nhân lực phù hợp, có đăng ký sản xuất kinh doanh mặt hàng phân hữu cơ vi sinh Hudavil, bao bì, nhãn mác,... sản phẩm phân bón hữu cơ Hudavil được Cơ sở ĐÔNG HUẾ có địa chỉ tại Tổ 7, Khu 7, Thị trấn Tân Phú, tỉnh Đồng Nai ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm.

c) Tự đánh giá: Đạt

1.4. Chỉ tiêu 7.4. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp (≥ 01 công trình)

a) Yêu cầu của tiêu chí: Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp: ≥ 01 công trình.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Huyện giao cho Ban Quản lý dự án đầu tư các công trình xây dựng cơ bản huyện vận hành thủ tục đầu tư xây dựng, đến nay đã ban hành Quyết định số 1326/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 của UBND huyện về phê duyệt chủ trương đầu tư công trình Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung khu dân cư thị trấn Định An với diện tích 529,75m², tổng vốn đầu tư xây dựng 7.693.000.000 đồng, công suất 230m³/ngày đêm. Hiện chưa được phân bổ vốn.

c) Tự đánh giá: Chưa Đạt

1.5 Chỉ tiêu 7.5. Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, trong đó tỷ lệ đất trồng cây xanh trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp tối thiểu là 10% diện tích toàn khu.

a) Yêu cầu của tiêu chí: Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, trong đó tỷ lệ đất trồng cây xanh trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp tối thiểu là 10% diện tích toàn khu: Đạt.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Huyện có quy hoạch cụm công nghiệp tại xã Lưu nghiệp Anh, nhưng chưa được đầu tư xây dựng.

Trên địa bàn huyện có 3 làng nghề:

- Làng nghề Tiểu thủ công nghiệp (tre, trúc, tầm vong) tại xã Hàm Giang. Theo Quyết định số 2314/ QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc thành lập Làng nghề tiểu thủ công nghiệp (tre, trúc, tầm vong) xã Hàm

Giang; Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 06/01/2021 của UBND huyện về phê duyệt Phương án bảo vệ môi trường Làng nghề tiểu thủ công nghiệp (tre, trúc, tầm vong) xã Hàm Giang. Có thành lập tổ tự quản về bảo vệ môi trường và ban hành quy chế hoạt động của Tổ tự quản. Hạ tầng kỹ thuật BVMT đảm bảo theo đúng quy định. Các biện pháp BVMT thực hiện theo đúng quy định. Các biện pháp BVMT thực hiện theo Phương án đã được UBND huyện phê duyệt.

- Làng nghề dệt chiếu tại xã Hàm Tân theo Quyết định số 2315/QĐ –UBND ngày 31/3/2014 của UBND tỉnh về việc công nhận Làng nghề dệt chiếu xã Hàm Tân; Quyết định số 4697/QĐ- UBND ngày 02/12/2019 của UBND huyện về phê duyệt Phương án bảo vệ môi trường làng nghề dệt chiếu xã Hàm Tân. Có thành lập tổ tự quản về bảo vệ môi trường và ban hành quy chế hoạt động của Tổ tự quản. Hạ tầng kỹ thuật BVMT đảm bảo theo đúng quy định. Các biện pháp BVMT thực hiện theo đúng quy định. Các biện pháp BVMT thực hiện theo Phương án đã được UBND huyện phê duyệt.

- Làng nghề đan lát xã Đại An theo Quyết định số 2030/QĐ-UBND ngày 31/12/2007 của UBND tỉnh về việc công nhận Làng nghề tiểu thủ công nghiệp Đại An, xã Đại An huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh; Quyết định số 4263 /QĐ-UBND huyện ngày 11/12/2018 về phê duyệt Phương án bảo vệ môi trường làng nghề đan lát xã Đại An. Có thành lập tổ tự quản về bảo vệ môi trường và ban hành quy chế hoạt động của Tổ tự quản. Hạ tầng kỹ thuật BVMT đảm bảo theo đúng quy định. Các biện pháp BVMT thực hiện theo đúng quy định. Các biện pháp BVMT thực hiện theo Phương án đã được UBND huyện phê duyệt.

c) Tự đánh giá: Đạt.

1. 6. Chỉ Tiêu 7.6. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn: $\geq 2m^2/người$.

a) Yêu cầu của tiêu chí: Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn: $\geq 2m^2/người$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Huyện có 17/17 đơn vị hành chính có bố trí quỹ đất, xây dựng khu vui chơi công cộng được trồng cây xanh (gồm: lộc vừng, bằng lăng, sao, dầu, và một số loài hoa thân thảo); có 37 điểm chùa là nơi sinh hoạt văn hóa cộng đồng của đồng bào dân tộc Khmer, được trồng cây xanh thân gỗ lớn như dầu, sao, thốt nốt; Ngoài ra trên các tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ, lộ giao thông nông thôn đều có bố trí trồng cây xanh 2 bên lề đường tạo không gian xanh mát. Ngày nay, nhu cầu hưởng thụ, vui chơi giải trí, thể dục, thể thao của người dân ngày càng nâng lên, các xã, thị trấn tăng cường bố trí các điểm khuôn viên, vườn hoa, sân chơi có trồng cây xanh. Trên địa bàn toàn huyện, đất cây xanh sử dụng công cộng với diện tích $577.926 m^2/147.419$ người, đạt $3,92 m^2/ người$.

c) Tự đánh giá: Đạt

1.7. Chỉ tiêu 7.7. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định: $\geq 50\%$.

a) Yêu cầu của tiêu chí: Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định: $\geq 50\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Thực hiện Công văn số 766-CV/TV ngày 03/10/2019 của Tỉnh ủy Trà Vinh về tăng cường các biện pháp giảm thiểu rác thải nhựa trong sinh hoạt; Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 22/10/2019 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc triển khai thực hiện các biện pháp giảm thiểu rác thải nhựa trong sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Công văn số 2141/STNMT-QLMT ngày 05/8/2021 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc triển khai thực hiện Quyết định số 1316/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh; UBND huyện chỉ đạo triển khai thực hiện chống rác thải nhựa đến cán bộ, đảng viên tích cực và đi đầu trong việc giảm thiểu chất thải nhựa; hạn chế tối đa việc sử dụng các sản phẩm nhựa dùng một lần. Đến nay, các cơ quan đơn vị trên địa bàn huyện thực hiện tốt theo chỉ đạo. UBND huyện thường xuyên chỉ đạo các ngành và địa phương tuyên truyền phổ biến, quán triệt đến tổ chức, cá nhân trên địa bàn huyện không thải bỏ rác thải nhựa trực tiếp vào hệ thống thoát nước, ao hồ, kênh, rạch, sông.

Tiếp tục triển khai xây dựng mô hình thu gom, xử lý chất thải nhựa tại 10 xã và 10 cơ sở tôn giáo. Các Mô hình đã triển khai: Mô hình thu gom chất thải nhựa tại các chợ, trường học, nhà văn hóa xã, các địa điểm du lịch.

- Chất thải nhựa phát sinh từ các hoạt động du lịch: các điểm tham quan du lịch trên địa bàn huyện đều có các thùng để thu gom chất thải nhựa sau đó được bán cho các cơ sở thu mua phế liệu. Đối với nuôi trồng và khai thác thủy sản: Tuyên truyền vận động các hộ dân thực hiện thu gom bán phế liệu.

- Đánh giá tỷ lệ thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý:

Trên địa bàn huyện hiện nay có 147.419 nhân khẩu, Tiểu thương của các chợ (1.748), Trường Trung học phổ thông (2.958 học sinh), Trường Trung học cơ sở (9.123 học sinh), Trường Tiểu học (13.416 học sinh), Trường Mẫu giáo (5.507 trẻ) theo đó lượng rác thải nhựa phát sinh trung bình ước tính khoảng 5.077,03 kg/ngày. Trên cơ sở đó huyện triển khai lồng ghép mô hình của Hội đoàn thể tuyên truyền vận động người dân tham gia thu gom, tái sử dụng, tái chế, chất thải nhựa, không bỏ trực tiếp ra môi trường, sông rạch, chất thải nhựa được thu gom, xử lý theo quy định, cụ thể như sau: Mô hình thu gom, tái chế chất thải nhựa có 100.378 nhân khẩu tham gia tương ứng 3.412,85 kg/ngày, xây dựng mô hình thu gom tại các trường: Trường Trung học phổ thông 2.958 học sinh tham gia (5,92 kg/ngày), Trường Trung học cơ sở 9.123 học sinh tham gia (18,25kg/ngày), Trường Tiểu học 13.416 học sinh tham gia (17,44 kg/ngày). Trường Mẫu giáo 5.507 trẻ tham gia (2,20 kg/ngày) và chợ có 1.437 tiểu thương tham gia (17,24 kg/ ngày). Tổng lượng chất thải nhựa được thu gom đem tái sử dụng, tái chế ước tính khoảng 3.477,63 kg/ngày. Do đó tỷ chất thải nhựa được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý toàn huyện là 5.077,03/3.477,63 kg/ngày đạt 68,5% trên tổng lượng chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn.

c) Tự đánh giá: Đạt

1.8. Chỉ tiêu 7.8. Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về bảo vệ môi trường theo quy định: 100%.

a) Yêu cầu của tiêu chí: Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về bảo vệ môi trường theo quy định: **100%**.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Trên địa bàn huyện không bố trí các điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt. Rác thải sinh hoạt từ hộ dân, các chợ, cơ quan, doanh nghiệp phát sinh được thu gom vào thùng đựng rác đã bố trí theo các tuyến lộ chính, các chợ, khu đông dân cư trên địa bàn huyện, đến nay đã bố trí được 878 thùng đựng rác đảm bảo thu gom toàn bộ rác thải sinh hoạt phát sinh hàng ngày tại các khu vực chợ, khu đông dân cư, tuyến đường chính trên địa bàn huyện.

c) Tự đánh giá: Đạt.

2. Chỉ tiêu số 8 về Chất lượng môi trường sống

2.1. Chỉ tiêu số 8.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung

a) Yêu cầu của tiêu chí: $\geq 50\%$

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Vào năm 2010, tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung của huyện còn rất thấp (17.837/39.693 hộ) đạt tỷ lệ 45% . Thời gian qua huyện tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn đến năm 2015, các công trình cấp nước tập trung được nâng cấp công suất hoạt động, đầu tư xây dựng mới, cùng với việc mở rộng các tuyến ống cấp nước đã góp phần nâng tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung trên địa bàn huyện đến nay có 32.372 hộ/43.369 hộ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung, đạt tỷ lệ 74,64 %.

c) Tự đánh giá: Đạt.

2.2. Chỉ tiêu 8.2. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững: $\geq 50\%$.

a) Yêu cầu của tiêu chí: Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững: **$\geq 50\%$** .

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Từ năm 2011 đến nay, huyện được đầu tư xây dựng thêm 02 nhà máy nước ở xã Tân Hiệp và Hàm Giang, đến nay toàn huyện hiện có 19/19 trạm cấp nước/nhà máy nước tập trung và 1 trạm cấp nước do công ty cổ phần cấp thoát nước Trà Vinh, có tổ chức quản lý, khai thác bền vững, công suất được thiết kế 21.500m³/ ngày, đêm. Cung cấp nước sạch phục vụ bền vững cho 43.369 hộ dân trên địa bàn huyện Trà Cú. Đạt tỷ lệ 100%.

c) Tự đánh giá: Đạt

2.3. Chỉ tiêu .8.3. Có kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện: Đạt.

a) Yêu cầu của tiêu chí: Có kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện: **Đạt**.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Đã có chủ trương theo Công văn số 243/UBND-TH ngày 07/3/2023 của UBND huyện về chủ trương thực hiện đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước, phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và nguồn nước mặt, giao phòng Tài nguyên vận hành thủ tục hiện nay thực hiện hồ sơ mời thầu.

c) Tự đánh giá: **Chưa Đạt**.

2.4. Chỉ tiêu 8.4. Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn: Đạt.

a) Yêu cầu của tiêu chí: Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn: **Đạt**.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

** Đối với hệ thống cây xanh*

Thời gian qua, huyện luôn quan tâm tổ chức thực hiện việc xây dựng cảnh quan, môi trường Xanh – Sạch – Đẹp. Đến nay, huyện đã đầu tư, xây dựng 21 tuyến đường Xanh – Sạch – Đẹp với chiều dài 32,335 km trên địa bàn xã, thị trấn trên địa bàn xã.

Thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TU của Tỉnh ủy. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn trên địa bàn có thường xuyên duy trì các hoạt động bảo vệ môi trường. Tuyên truyền vận động người dân chấp hành nghiêm các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường; an toàn thực phẩm; về quản lý trật tự xây dựng, trật tự đô thị, an toàn giao thông; nâng cao chất lượng các phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “Nếp sống văn minh”, “Chung sức xây dựng nông thôn mới”. Vận động người dân cắt tỉa cây xanh đảm bảo tuyến đường thông thoáng. Phát quang bụi rậm, làm hàng rào, cột cờ, đèn thấp sáng tạo cảnh quan môi trường Xanh - Sạch - Đẹp. Đồng thời, bố trí thùng rác trên các tuyến đường chính, khu vực đông dân cư, chợ và vận động người dân bỏ rác đúng quy định.

** Đối với hệ thống ao, hồ sinh thái, sông, kênh, rạch:* Trên địa bàn huyện không có các ao hồ sinh thái, chỉ có các đoạn sông, kênh, rạch phục vụ cho mục đích tưới tiêu, nuôi trồng thủy sản. Qua rà soát đến nay, các đoạn sông, kênh, rạch trên địa bàn huyện không có mùi hôi thối, không ứ đọng rác thải.

Thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TU của Tỉnh ủy. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn trên địa bàn có thường xuyên duy trì các hoạt động bảo vệ môi trường, tổ chức ra quân vớt lục bình, dọn các tuyến kênh để đảm bảo thông thoáng dòng chảy.

** Đường xã, liên xã, liên ấp được lắp đặt hệ thống chiếu sáng*

Huyện có 136 tuyến đường giao thông kết nối đến trung tâm các xã, thị trấn với chiều dài 304,95 km (Huyện có 06 tuyến đường huyện với tổng chiều dài 60,795 km (gồm ĐH 12, ĐH 17, ĐH 18, ĐH 27, ĐH 28, ĐH 36); 03 tuyến đường tỉnh với tổng chiều dài 29,43 km (gồm ĐT 911, ĐT 914, ĐT 915) và 02 tuyến quốc lộ với tổng chiều dài 40,1 km (gồm QL 53, QL 54). Qua thực hiện vận động nhân dân chung tay xây dựng nông thôn mới trong đó có lắp đặt hệ thống chiếu sáng được đông đảo người dân tham gia hưởng ứng. Đến nay trên địa bàn huyện có 85/136 tuyến đường xã, liên xã, liên ấp được lắp đặt hệ thống chiếu sáng, đạt 62,5%.

** Đối với đường làng ngõ xóm*

- Tổ chức thu dọn vệ sinh, rác thải định kỳ hàng tuần, thường xuyên truyền truyền, vận động các hộ gia đình thực hiện cải tạo vườn, chỉnh trang hàng rào bằng cây xanh. Các tuyến đường đã được bê tông hóa, đảm bảo không lầy lội khi có mưa.

- Các tuyến đường thông thoáng, không lấn chiếm lòng lề đường và không xả rác bừa bãi.

** Đối với khu vực công cộng*

- Các khu vực công cộng (chợ, đường giao thông, công viên, khu vui chơi, giải trí, bến phà...) không có hiện tượng xả nước thải, chất thải rắn không đúng quy định, gây mất mỹ quan và ô nhiễm môi trường; không để vật nuôi gây mất vệ sinh nơi công cộng.

- Đối với khuôn viên trụ sở UBND xã, trạm y tế, trường học và nhà văn hóa được chỉnh trang, vệ sinh sạch sẽ, trồng cây xanh, cây hoa phù hợp cảnh quan và có nước sinh hoạt theo quy định; nhà vệ sinh có nước sinh hoạt sử dụng, được vệ sinh thường xuyên đảm bảo không có mùi hôi.

- Đã xây dựng quy ước về bảo vệ môi trường các ấp đã được UBND huyện phê duyệt theo quy định và niêm yết công khai tại trụ sở UBND các ấp.

c) Tự đánh giá: Chưa Đạt.

2.5 Chỉ tiêu.8.5. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm : 100%.

a) Yêu cầu của tiêu chí: Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm: 100%.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Công tác quản lý về An toàn thực phẩm luôn được quan tâm chỉ đạo thực hiện thường xuyên. Hàng năm, Ủy ban nhân dân huyện, Ban chỉ đạo liên ngành an toàn vệ sinh thực phẩm huyện kịp thời quán triệt và xây dựng các kế hoạch để thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh về an toàn thực phẩm từ đó nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trong công tác đảm bảo an toàn thực phẩm; công tác thanh tra, kiểm

tra, giám sát về an toàn thực phẩm được duy trì thường xuyên và được tổ chức thành các đợt cao điểm hàng năm, nhất là trong các ngày lễ, ngày tết, tháng hành động vì an toàn thực phẩm. Trong thời gian qua, huyện đã phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền giáo dục, phổ biến pháp luật về an toàn thực phẩm có 8.900 lượt người dự, hàng năm có khoảng 90% các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm được thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định về an toàn thực phẩm. Hiện nay, trên địa bàn huyện có 10.995 hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cấp huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm, đạt 100%; trong đó có 1.219 hộ, cơ sở kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực y tế được kiểm tra, cấp chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm, có 1.508 hộ, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực công thương thực hiện ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm, và 8.268 hộ, cơ sở sản xuất nông nghiệp thực hiện ký cam kết an toàn thực phẩm.

c) Tự đánh giá: Đạt

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt đã làm được

- Huyện ủy ban hành Nghị quyết số 06-NQ/HU ngày 09/01/2023 về nhiệm vụ phát triển và xây dựng hệ thống chính trị năm 2023, Ủy ban nhân dân huyện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; công tác tổ chức kiểm tra, đôn đốc các xã thực hiện tiêu chí nông thôn mới luôn được quan tâm thực hiện đặc biệt là lĩnh vực tiêu chí môi trường.

- Nhận thức trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, hội viên, đoàn thể, các tổ chức, cá nhân và Nhân dân có sự thay đổi rõ rệt.

- Xây dựng các mô hình phân loại rác tại nguồn, mô hình thu gom tái chế chất thải nhựa.

- Cảnh quan môi trường trên địa bàn huyện được cải thiện và nhận được sự đồng tình và tham gia của người dân rất cao.

- Các xã có nhiều nỗ lực trong xây dựng nông thôn mới tập trung vào các tiêu chí môi trường, cải tạo môi trường sống. Tính đến nay các xã đều đã đạt tiêu chí 17: Môi trường và an toàn thực phẩm thuộc bộ tiêu chí xã Nông thôn mới. Riêng 3 xã xây dựng nông thôn mới nâng cao (Ngọc Biên, Đại An, Tập Sơn) đã đạt tiêu chí 17: Môi trường và tiêu chí 18: Chất lượng Môi trường sống thuộc bộ tiêu chí xã Nông thôn mới nâng cao.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

*** Tồn tại, hạn chế:**

- Việc phân loại chất thải rắn tại nguồn tập trung tại hộ gia đình, tuy nhiên còn gặp khó khăn sau khi phân loại ngoài rác hữu cơ, nhựa tái sử dụng, còn lại chất thải rắn không nguy hại, cả nguy hại có tính chất nhỏ lẻ rất khó cho việc thu gom xử lý.

- Hiện nay trên địa bàn các xã cần tập trung thực hiện về cảnh quan môi trường còn nhiều địa phương chưa đạt, còn hiện tượng rác thải rơi vãi trên cấp đường, ý thức của một bộ phận người dân chưa tốt còn vứt rác bọc ni lon, chai nhựa ven đường.

- Việc triển khai xây dựng đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện và các mô hình phân loại rác thải tại nguồn còn chậm tiến độ.

*** Nguyên nhân:**

- Về trình tự thủ tục khi thực hiện phải đảm bảo theo quy định cho nên có những tiêu chí xây dựng nông thôn tiến độ còn chậm.

- Một bộ phận Nhân dân còn tư tưởng trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước và sự giúp đỡ của cộng đồng, ý thức bảo vệ môi trường của một bộ phận người dân còn hạn chế.

3. Những mô hình bảo vệ môi trường tiêu biểu (nếu có).

- Mô hình phân loại chất thải rắn tại nguồn.

- Mô hình thu gom, tái chế, xử lý chất thải nhựa.

- Mô hình thu gom bao bì, chai lọ thuốc bảo vệ thực vật.

- Mô hình tuyến đường hoa.

4. Đề xuất – Kiến nghị

- Hỗ trợ, hướng dẫn về chuyên môn xây dựng huyện nông thôn.

- Hỗ trợ huyện xây dựng nhà lưu chứa rác thải chai lọ thủy tinh, kính vỡ còn tồn đọng tại một số khu vực.

- Hỗ trợ huyện Trà Cú thực hiện mô hình thu gom, phân loại chất thải rắn tại nguồn ở khu dân cư và cơ sở tôn giáo để lan toả, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động trong Nhân dân.

V. KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG

- Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng mô hình phân loại rác tại nguồn tại các xã: Tập Sơn, Phước Hưng, Tân Hiệp và thị trấn Định An và 10 cơ sở Tôn giáo và xây dựng nhà Lưu chứa miễn kính tại xã Ngọc Biên.

- Xây dựng mô hình thu gom, phân loại rác tại nguồn ở các xã: Thanh Sơn, Long Hiệp, Tân Sơn, Hàm Tân, Hàm Giang, An Quảng Hữu, Lưu Nghiệp Anh, Kim Sơn, Định An, Ngãi Xuyên.

- Huyện nông thôn mới:

+ Nội dung 7.4. Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp (Chưa đạt): **Hoàn thành trong quý IV/2023.**

+ Nội dung 8.3. Có kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện (chưa đạt). **Hoàn thành trong quý III/2023.**

+ Nội dung 8.4. Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn (chưa đạt). **Hoàn thành trong quý III/2023./.**

Ủy ban nhân dân huyện báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường được biết./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các ban, ngành huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, NC;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Huỳnh Văn Nghị

Lịch Trình Kiểm tra Thực Tế :

- Kiểm tra thực tế tình hình thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện, cụ thể các nội dung kiểm tra như sau:

+ Kiểm tra tuyến đường xanh –sạch– đẹp, tuyến đường hoa: Tuyệt đường hoa xã Long Hiệp và Tân Hiệp.

+ Kiểm tra công tác BVMT làng nghề: xã Hàm Giang.

+ Kiểm tra mô hình phân loại, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại hộ gia đình: dự kiến kiểm tra 02 xã : Lưu Nghiệp Anh và Ngãi Xuyên, mỗi xã kiểm tra 02 hộ do xã tự chọn.

+ Kiểm tra khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt. Bãi rác Long Hiệp, BR TT. Trà Cú, điểm tập kết rác xã An Quảng Hữu, Đại An.

+ Kiểm tra công tác vệ sinh, cảnh quan môi trường tại cơ quan công sở, trường học, cơ sở y tế, nhà văn hoá: dự kiến kiểm tra 02 khu hành chính, 01 trường học, 02 cơ sở y tế, 01 nhà văn hoá tại xã Long Hiệp và Tân Hiệp.

+ Kiểm tra công tác BVMT tại các khu vực công cộng: dự kiến kiểm tra 02 chợ : chợ Long Hiệp và Chợ Trà Cú.

+ Kiểm tra công tác bảo vệ môi trường tại Cảng cá Định An; tiến độ xây dựng công trình hệ thống XLNTSH tập trung khu dân cư TT Định An.

+ Giám sát việc giữ gìn vệ sinh, cảnh quan môi trường trên tuyến đường di chuyển.